

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày: 29-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Tình;

Bà Trần Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, tên gọi khác: **Út B**, sinh năm 1974, tại Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ thường trú: **Số A, đường N, tổ D, ấp I, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở hiện nay: **Đường T, nhánh 2, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn L** (đã chết) và bà **Trần Thị K** (đã chết); bị cáo có 05 anh chị, lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất là bị cáo. Bị cáo chưa có chồng, chưa có con. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Bà **Lê Mỹ V**, sinh năm 1999 và ông **Nguyễn Nhân Đ**, sinh năm 1994; chỗ ở hiện nay: **Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông **Ngô Tiên S**, sinh năm 1981; chỗ ở hiện nay: **Tổ C, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**;

2/ Bà **Nguyễn Thị K1**, sinh năm 1984; chỗ ở hiện nay: **Tổ C, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**;

3/ Bà **Nguyễn Hoàng Yên L1**, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: **Tổ A, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**; chỗ ở hiện nay: **Số G, tổ A, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17/11/2022, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Majesty, biển số 68S7 – 6432 đi từ ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương đến chỗ bán bánh mì của Lê Mỹ V thuộc ấp B để mua bánh mì. T dừng xe dưới lề đường cách xe bánh mì khoảng 06 mét, rồi đi vào đứng bên xe bánh mì để mua 02 cái bánh mì. Trong lúc chờ, T nhìn thấy có 01 cái ví (bóp) bằng da, màu xám, có hình chuột M để cạnh giấy kẹp bánh mì nghi bên trong có tiền. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đã lấy 01 cái bóp bằng da bên trong có 9.000.000 đồng và 02 thẻ ATM của Lê Mỹ V cho vào túi bên trong phía bên phải của áo khoác T đang mặc. Sau đó, T trả tiền mua bánh mì và điều khiển xe rời đi.

Khi đến địa phận phường H, thị xã T (nay là Thành phố T), T kiểm tra cái ví vừa trộm được thì thấy bên trong có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, có số tiền khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng nhưng T không đếm. T lấy ra 1.500.000 đồng bỏ vào túi quần bên trái để tiêu xài, số còn lại bỏ vào túi áo khoác bên trái. Lấy tiền xong, T vút ví ở vườn của một nhà dân ở khu phố C, phường H rồi điều khiển xe mô tô đến chợ H1, lấy số tiền vừa trộm được để mua đồ nấu ăn và 05 tờ vé số hết 500.000 đồng. T điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ tại ấp B thì phát hiện số tiền trộm được cất ở túi áo khoác đã bị rơi mất. T điều khiển xe mô tô đi tìm nhưng không thấy. Lúc này, xe mô tô của T bị hư nên T ghé vào sửa xe tại ấp B, thay bình ắc quy hết 350.000 đồng rồi về lại phòng trọ. Sau đó, T đi làm móng chân, móng tay, mua 03 bộ quần áo và đã tiêu xài hết 1.500.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, T đến Công an xã B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra, Công an thu giữ đồ vật gồm: 01 xe mô tô biển số 68S7-6432; 03 bộ quần áo màu đỏ, màu xanh và màu đen; 01 ví (bóp) da, màu xám; 01 thẻ ATM tên Nguyễn N; 01 thẻ ATM tên Lê M.

Công an xã B lập hồ sơ ban đầu và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an huyện B xử lý theo thẩm quyền.

Số tiền 9.000.000 đồng mà Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt, T đã tiêu xài 1.500.000 đồng, phần còn lại đã bị rơi mất nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị T đã bồi thường 9.000.000 đồng cho bà Lê Mỹ V; bà V và chồng là ông Nguyễn Nhân Đ không có yêu cầu gì thêm.

Xe mô tô nhãn hiệu Majesty, biển số 68S7 – 6432: T khai mua xe này của một người tên T1 không rõ lai lịch với giá 2.000.000 đồng. Qua tra cứu, xe này do Nguyễn Hoàng Yến L1 (địa chỉ: H, Mông Thọ B1, huyện C, tỉnh Kiên Giang) đứng tên chủ sở hữu. Bà L1 khai không biết nguồn gốc xe và không có yêu cầu gì. CQCSĐT Công an huyện B đã thông báo truy tìm chủ sở hữu xe mô tô nói trên nhưng đến nay chưa ai đến liên hệ làm việc.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và tỏ ra ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 13/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 bộ quần áo là tài sản có được từ tiền bà **T** lấy trộm; tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 68S7 – 6432, kiểu dáng Wave, nhãn hiệu Majesty màu xanh là xe bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thị T** trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, thấy ân hận về việc đã gây ra. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQCSĐT **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và những chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; có đủ cơ sở kết luận như sau: Ngày 17/11/2022 tại **xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**, **Nguyễn Thị T** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cái ví bên trong có 9.000.000 đồng của **Lê Mỹ V**. Sau đó, **T** đi trình báo về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 9.000.000 đồng. Bị cáo là người thành niên, có khả năng nhận thức đầy đủ, có khả năng nhận biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật cấm, nhưng vì lòng tham, muốn nhanh có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi này của bị cáo đã cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 13/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố bị cáo **Nguyễn Thị T** là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự trước khi thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ quyết định hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội phát sinh do lòng tham nhất thời do hoàn cảnh khó khăn; bị cáo đã kịp thời nhận thấy hành vi của mình là sai, ra đầu thú và tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, việc không bắt bị cáo **T** đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội và không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Majesty, biển số 68S7 – 6432, bà **T** khai mua xe này của người tên **T1** không rõ lai lịch với giá 2.000.000 đồng. Qua tra cứu, xe này do **Nguyễn Hoàng Yến L1** đứng tên. Bà **L1** khai năm 2017 bà **L1** đứng tên 01 xe mô tô có biển số đầu là 68, xe do chồng của bà **L1** chết để lại cho bà. Đến khoảng tháng 7/2017, bà **L1** bán xe cho tiệm cầm đồ. Đến nay, bà **L1** không biết rõ nguồn gốc xe mô tô biển số 68S7 – 6432. CQCSĐT **Công an huyện B** đã thông báo truy tìm chủ sở hữu xe mô tô nói trên nhưng đến nay chưa ai đến liên hệ làm việc. Xe này cũng không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Bà **T** sử dụng xe làm phương tiện trộm tài sản nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước. 03 bộ quần áo màu đỏ, xanh và đen là đồ bị cáo có được từ tiền trộm của bị hại **V** nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[11] 01 thẻ ATM tên **Nguyễn N**, 01 thẻ ATM tên **Lê My V1** là tài sản cá nhân của ông **D** và bà **V1** nên CQCSĐT Công an Huyện trả cho bà **V1** là đúng.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1, 4 Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết p** “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2023.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị T** cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biên pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 68S7 – 6432, kiểu dáng Wave, nhãn hiệu Majesty màu xanh, số khung CH022TT 050090, số máy FMH 050090 (không kiểm tra tình trạng bên trong), không gương chiếu hậu bên phải, không bửng (yếm) chắn bùn. Tịch thu tiêu hủy 03 bộ quần áo màu đỏ, màu xanh và màu đen. *Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.*

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (10);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế